

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH**

Áp dụng đối với: Công an tỉnh

I. DANH MỤC VÀ BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ

| STT | Tên biểu | Ký hiệu biểu | Kỳ báo cáo | Ngày nhận báo cáo |
|------------|---|---------------------|---------------------|--|
| A | B | C | D | E |
| 1 | Tai nạn giao thông | 001.H/T1901-CA | Tháng, 6 tháng, năm | Báo cáo tháng: Ngày 18 tháng báo cáo Báo cáo 6 tháng: Ngày 18 tháng 6 năm báo cáo Báo cáo năm: Ngày 18 tháng 3 năm sau năm báo cáo |
| 2 | Tình hình cháy, nổ và mức độ thiệt hại | 002.H/T1902-CA | Tháng, 6 tháng, năm | Báo cáo tháng: Ngày 18 tháng báo cáo Báo cáo 6 tháng: Ngày 18 tháng 6 năm báo cáo Báo cáo năm: Ngày 18 tháng 3 năm sau năm báo cáo |
| 3 | Tình hình cứu hộ, cứu nạn trong phòng cháy và chữa cháy | 003.H/T1903-CA | Tháng, 6 tháng, năm | Báo cáo tháng: Ngày 18 tháng báo cáo Báo cáo 6 tháng: Ngày 18 tháng 6 năm báo cáo Báo cáo năm: Ngày 18 tháng 3 năm sau năm báo cáo |

Biểu số: 001.H/T1901-CA

Ban hành kèm theo Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Hà Nam

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo tháng: Ngày 18 tháng báo cáo

Báo cáo 6 tháng: Ngày 18 tháng 6 năm báo cáo

Báo cáo năm: Ngày 18 tháng 3 năm sau năm báo cáo

TAI NẠN GIAO THÔNG

Tháng, 6 tháng, năm

Đơn vị gửi:

Công an tỉnh.....

Đơn vị nhận:

Cục Thống kê

| | Mã số | Chỉ tiêu | | |
|--|-----------|------------|-----------------------|----------------------------|
| | | Số vụ (Vụ) | Số người chết (Người) | Số người bị thương (Người) |
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| Tổng số | 01 | | | |
| <i>1. Chia theo loại tai nạn</i> | | | | |
| - Đường bộ | 02 | | | |
| - Đường sắt | 03 | | | |
| - Đường thủy nội địa | 04 | | | |
| <i>2. Chia theo huyện/quận/thị xã/thành phố</i> | | | | |
| - Thành phố | 05 | | | |
| - Huyện | 06 | | | |
| - | | | | |
| | | | | |

| | Mã số | Chi tiêu | | |
|---|-------|---------------|--------------------------|-------------------------------|
| | | Số vụ (Vụ) | Số người chết (Người) | Số người bị thương (Người) |
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ 001.H/T1901-CA: TAI NẠN GIAO THÔNG

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tai nạn giao thông là sự kiện bất ngờ, nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người, xảy ra khi các đối tượng tham gia giao thông đang hoạt động trên đường giao thông công cộng, đường chuyên dùng hoặc ở các địa bàn giao thông công cộng (gọi là mạng lưới giao thông: Đường bộ, đường sắt, đường thủy), nhưng do chủ quan, vi phạm các quy tắc an toàn giao thông hoặc do gặp phải các tình huống, sự cố đột xuất không kịp phòng tránh, đã gây ra những thiệt hại nhất định cho tính mạng, sức khỏe con người hoặc tài sản.

Một lần hoặc nhiều lần va chạm liên tiếp giữa các đối tượng tham gia giao thông tại một địa điểm nhất định thì được gọi là một vụ tai nạn giao thông. Vụ tai nạn giao thông xảy ra đối với một hoặc nhiều đối tượng tham gia giao thông.

Tai nạn giao thông gây ra hậu quả làm thiệt hại về người và tài sản. Số người bị tai nạn giao thông gồm những người bị thương và chết do tai nạn giao thông gây ra.

Người chết do tai nạn giao thông gồm toàn bộ số người bị chết do các tai nạn giao thông gây ra.

Người bị thương là những người bị tổn thương về thể xác và tâm trí do ảnh hưởng trực tiếp của tai nạn giao thông, làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường.

Số người bị thương do tai nạn giao thông gồm toàn bộ số người bị thương phải điều trị do tai nạn giao thông gây ra.

2. Cách ghi biểu

Tính tổng số vụ tai nạn giao thông xảy ra, tổng số người chết, tổng số người bị thương do tai nạn giao thông gây ra trong kỳ.

- Cột 1: Ghi số vụ tai nạn giao thông xảy ra trong kỳ báo cáo (tháng, 6 tháng, năm) tương ứng theo từng dòng của cột A.

- Cột 2: Ghi số lượng người chết do tai nạn giao thông gây ra trong kỳ báo cáo (tháng, 6 tháng, năm) tương ứng theo từng dòng của cột A.

- Cột 3: Ghi số lượng người bị thương do tai nạn giao thông gây ra trong kỳ báo cáo (tháng, 6 tháng, năm) tương ứng theo từng dòng của cột A.

Kỳ thu thập số liệu

- Báo cáo tháng: Ngày nộp báo cáo là ngày 18 tháng báo cáo. Thời kỳ thu

thập số liệu được tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 tháng báo cáo.

- Báo cáo 6 tháng: Ngày nộp báo cáo là ngày 18/6 năm báo cáo. Thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 15/12 năm trước đến hết ngày 14/6 năm báo cáo.

- Báo cáo năm: Ngày nộp báo cáo là 18/3 năm sau. Thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 15/12 năm trước đến hết 14/12 năm báo cáo.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu tháng, 6 tháng, năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Công an tỉnh/thành phố

Biểu số: 002.H/T1902-CA

Ban hành kèm theo Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Hà Nam

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo tháng: Ngày 18 tháng báo cáo

Báo cáo 6 tháng: Ngày 18 tháng 6 năm báo cáo

Báo cáo năm: Ngày 18 tháng 3 năm sau năm báo cáo

TÌNH HÌNH CHÁY, NỔ VÀ MỨC ĐỘ THIẾT HẠI

Tháng, 6 tháng, năm

Đơn vị gửi:

Công an tỉnh.....

Đơn vị nhận:

Cục Thống kê

| | Mã số | Chỉ tiêu | | | |
|--|-----------|------------|-----------------------|----------------------------|--|
| | | Số vụ (Vụ) | Số người chết (Người) | Số người bị thương (Người) | Giá trị thiệt hại về tài sản (Tỷ đồng) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Tổng số | 01 | | | | |
| 1. Chia theo loại cháy (Ghi theo danh mục của Bộ Công an) | | | | | |
| - | | | | | |
| - | | | | | |
| - | | | | | |
| 2. Chia theo loại nổ (Ghi theo danh mục của Bộ Công an) | | | | | |
| - | | | | | |
| 3. Chia theo huyện/quận/thị xã/thành phố | | | | | |

| | Mã số | Chỉ tiêu | | | |
|-------------------|-------|---------------|--------------------------|-------------------------------|---|
| | | Số vụ (Vụ) | Số người chết (Người) | Số người bị thương (Người) | Giá trị thiệt hại về tài sản (Tỷ đồng) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| - Thành phố | | | | | |
| + Cháy | | | | | |
| + Nổ | | | | | |
| - Huyện | | | | | |
| + Cháy | | | | | |
| + Nổ | | | | | |
| - | | | | | |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ 002.H/T1902-CA: TÌNH HÌNH CHÁY, NỔ VÀ MỨC ĐỘ THIỆT HẠI

1. Khái niệm, phương pháp tính

Cháy, nổ là trường hợp xảy ra cháy, nổ ngoài ý muốn và sự kiểm soát của con người trong khu dân cư, cơ sở, cháy rừng, phương tiện giao thông gây thiệt hại về người, tài sản và ảnh hưởng tới môi trường. Một lần xảy ra cháy, nổ thì được gọi là một vụ cháy, nổ. Trường hợp vụ cháy đã được tạm thời khống chế nhưng sau bùng phát trở lại thì chỉ tính là một vụ cháy, nổ liên tiếp thì tính là một vụ nổ.

Người chết do cháy, nổ gồm toàn bộ số người bị chết do các vụ cháy, nổ gây ra.

Người bị thương là những người bị tổn thương về thể xác và tâm trí do ảnh hưởng trực tiếp của cháy, nổ, làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường.

Số người bị thương do cháy, nổ gồm toàn bộ số người bị thương phải điều trị do cháy, nổ gây ra.

Thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra là thiệt hại về tài sản (thieu hủy hoặc hư hỏng) tính theo giá hiện hành. Thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra là chỉ tính thiệt hại trực tiếp.

2. Cách ghi biểu

Tính tổng số các vụ cháy, nổ xảy ra, số người chết, số người bị thương và mức độ thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra trong kỳ theo từng loại cháy, nổ trên địa bàn từng tỉnh/thành phố, vùng kinh tế - xã hội và cả nước.

- Cột 1: Ghi số lượng vụ cháy, nổ xảy ra được báo cáo trong kỳ báo cáo (tháng, 6 tháng, năm) tương ứng theo từng dòng của cột A.

- Cột 2: Ghi số lượng người chết do cháy, nổ trong kỳ báo cáo (tháng, 6 tháng, năm) tương ứng theo từng dòng của cột A.

- Cột 3: Ghi số lượng người bị thương do cháy, nổ trong kỳ báo cáo (tháng, 6 tháng, năm) tương ứng theo từng dòng của cột A.

- Cột 4: Ghi giá trị thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra trong kỳ báo cáo tương ứng theo từng dòng của cột A.

Kỳ thu thập số liệu

- Báo cáo tháng: Ngày nộp báo cáo là ngày 18 tháng báo cáo. Thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 tháng báo cáo.

- Báo cáo 6 tháng: Ngày nộp báo cáo là ngày 18/6 năm báo cáo. Thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 15/12 năm trước đến hết ngày 14/6 năm báo cáo.

- Báo cáo năm: Ngày nộp báo cáo là 18/3 năm sau. Thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 15/12 năm trước đến hết 14/12 năm báo cáo.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Tính tổng số các vụ cháy, nổ xảy ra, số người chết, số người bị thương và mức độ thiệt hại về tài sản do cháy nổ gây ra trong thời kỳ báo cáo trên địa bàn tỉnh.

4. Nguồn số liệu

Công an tỉnh/thành phố

Biểu số: 003.H/T1903-CA

Ban hành kèm theo Quyết định số 1217/QĐ-
UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Hà Nam

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo tháng: Ngày 18 tháng báo cáo

Báo cáo 6 tháng: Ngày 18 tháng 6 năm báo cáo

Báo cáo năm: Ngày 18 tháng 3 năm sau năm báo cáo

**TÌNH HÌNH CỨU HỘ, CỨU NẠN TRONG
PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Tháng, 6 tháng, năm

Đơn vị gửi:

Công an tỉnh.....

Đơn vị nhận:

Cục Thống kê

| | Mã số | Chỉ tiêu | | |
|---|-----------|------------------------------|------------------------------|---|
| | | Số vụ sự cố, tai nạn (Vụ) | Số người cứu được (Người) | Số thi thể nạn nhân tìm được (Thi thể) |
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| Tổng số | 01 | | | |
| <i>Chia theo loại sự cố, tai nạn</i> | | | | |
| - Cháy | 02 | | | |
| - Nổ | 03 | | | |
| - Sập, đổ nhà, công trình, thiết bị, máy móc, cây cối | 04 | | | |
| - Sạt lở đất, đá | 05 | | | |
| - Có người bị mắc kẹt trong nhà; công trình; trên cao; dưới sâu; trong thiết bị; trong hang, hầm; công trình ngầm | 06 | | | |
| - Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa khi có yêu cầu | 07 | | | |
| - Đuối nước tại sông, suối, thác nước, hồ, ao, giếng nước, hố sâu có nước, | 08 | | | |

| | Mã số | Chỉ tiêu | | |
|--|-------|------------------------------|------------------------------|---|
| | | Số vụ sự cố, tai nạn (Vụ) | Số người cứu được (Người) | Số thi thể nạn nhân tìm được (Thi thể) |
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| bãi tắm | | | | |
| - Tại khu du lịch, khu vui chơi giải trí | 09 | | | |
| - Khác theo quy định của pháp luật | 10 | | | |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ 003.H/T1903-CA: TÌNH HÌNH CỨU HỘ, CỨU NẠN TRONG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

1. Khái niệm, phương pháp tính

Cứu nạn là hoạt động cứu người bị nạn khỏi nguy hiểm đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của họ do sự cố, tai nạn, bao gồm: Phát hiện, định vị, mở lối tiếp cận người bị nạn, bố trí phương tiện, dụng cụ, lực lượng cứu nạn, cứu hộ; xác định, ngăn chặn, loại bỏ các yếu tố đe dọa tính mạng, sức khỏe người bị nạn và lực lượng cứu nạn, cứu hộ; tư vấn biện pháp y tế ban đầu, sơ cứu; đưa người bị nạn khỏi vị trí nguy hiểm và các biện pháp khác đưa người bị nạn đến vị trí an toàn.

Cứu hộ là hoạt động cứu phương tiện, tài sản khỏi nguy hiểm do sự cố, tai nạn, bao gồm: Phát hiện, định vị, mở lối tiếp cận phương tiện, tài sản bị nạn, bố trí phương tiện, dụng cụ, lực lượng cứu nạn, cứu hộ; xác định, ngăn chặn, loại bỏ các yếu tố nguy hiểm đe dọa an toàn phương tiện, tài sản; đưa phương tiện, tài sản khỏi vị trí nguy hiểm và các biện pháp khác đưa phương tiện, tài sản đến vị trí an toàn.

Sự cố, tai nạn là sự việc do thiên nhiên, con người, động vật gây ra, xâm phạm hoặc đe dọa tính mạng, sức khỏe con người, làm hủy hoại, hư hỏng hoặc đe dọa an toàn phương tiện, tài sản.

Lực lượng phòng cháy và chữa cháy thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ đối với các sự cố, tai nạn dưới đây:

- Sự cố, tai nạn cháy;
- Sự cố, tai nạn nổ;
- Sự cố, tai nạn sập, đổ nhà, công trình, thiết bị, máy móc, cây cối;
- Sự cố, tai nạn sạt lở đất, đá;
- Sự cố, tai nạn có người bị mắc kẹt trong nhà; công trình; trên cao; dưới sâu; trong thiết bị; trong hang, hầm; công trình ngầm;
- Sự cố, tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa khi có yêu cầu;
- Tai nạn đuối nước tại sông, suối, thác nước, hồ, ao, giếng nước, hồ sâu có nước, bãi tắm;
- Sự cố, tai nạn tại khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Sự cố, tai nạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Cách ghi biểu

Tính tổng số các vụ sự cố, số vụ tai nạn xảy ra, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được do sự cố, tai nạn gây ra trong kỳ theo từng loại sự cố tai nạn trên địa bàn từng tỉnh/thành phố, vùng kinh tế - xã hội và cả nước.

- Cột 1: Ghi số lượng vụ sự cố, số vụ tai nạn xảy ra được báo cáo trong kỳ báo cáo (tháng, 6 tháng, năm) tương ứng theo từng dòng của cột A.

- Cột 2: Ghi số lượng người cứu được do sự cố, tai nạn trong kỳ báo cáo (tháng, 6 tháng, năm) tương ứng theo từng dòng của cột A.

- Cột 3: Ghi số lượng thi thể nạn nhân tìm được do sự cố, tai nạn trong kỳ báo cáo (tháng, 6 tháng, năm) tương ứng theo từng dòng của cột A.

Kỳ thu thập số liệu

- Báo cáo tháng: Ngày nộp báo cáo là ngày 18 tháng báo cáo. Thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 tháng báo cáo.

- Báo cáo 6 tháng: Ngày nộp báo cáo là ngày 18/6 năm báo cáo. Thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 15/12 năm trước đến hết ngày 14/6 năm báo cáo.

- Báo cáo năm: Ngày nộp báo cáo là 18/3 năm sau. Thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 15/12 năm trước đến hết 14/12 năm báo cáo.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Tính tổng số các vụ cháy, nổ xảy ra, số người chết, số người bị thương và mức độ thiệt hại về tài sản do cháy nổ gây ra trong thời kỳ báo cáo trên địa bàn tỉnh/thành phố.

4. Nguồn số liệu

Công an tỉnh/thành phố